

ẢNH HƯỞNG CỦA BỐI CẢNH XÃ HỘI ĐẾN QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA ĐẠO CAO ĐÀI Ở VIỆT NAM

NGUYỄN HỒNG DƯƠNG*
NGUYỄN THỊ QUẾ HƯƠNG**

1. Giai đoạn từ năm 1926 đến trước năm 1975

Đây là giai đoạn từ sơ khởi cho đến những dấu mốc phát triển của đạo Cao Đài ở Nam Bộ trong bối cảnh xã hội còn nhiều bất ổn, do đó, giai đoạn này được chúng tôi phân tích rõ hơn từng dấu mốc cụ thể dưới đây, để mong muốn có cái nhìn sâu hơn về quá trình hình thành, phát triển của đạo Cao Đài.

1.1. Giai đoạn trước năm 1926

Những năm 90 của thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX ở vùng đất Nam Bộ, tiêu biểu là Sài Gòn đã có tới 15 tộc người sinh sống. Ngoài bốn tộc người có tính chủ lưu (Việt, Khmer, Hoa, Chăm) còn có các tộc người khác như Xtiêng, Chơro, Mạ, M'ông...

Sự đa dạng về tộc người, về vị trí địa lý, cảnh quan môi trường... kéo theo sự đa dạng về tín ngưỡng, tôn giáo. Một trong những tín ngưỡng chủ đạo là tín ngưỡng sông nước, tiếp theo là tín ngưỡng liên quan đến sản xuất, tổ nghề, tín ngưỡng cộng đồng (gia đình, gia tộc, dòng họ, thôn làng). Với người Việt là tín ngưỡng thờ Thành hoàng làng nơi đình thần, với người Khmer là thờ thần có tên Nesk Tà (quen gọi Ông Tà). Người Hoa thờ cúng Quan Công/Quan Thánh Đế Quân, Thiên Hậu

Thánh Mẫu, Phúc Đức Chính Thần, Khổng Tử, Ngọc Hoàng Thượng đế, Táo Quân, Thổ Địa... Song do các tộc người sống cộng cư nên một số tín ngưỡng của tộc người này vẫn thấy có ở tộc người khác. Ví dụ người Việt thờ cúng Quan Công.

Trước thế kỷ XIX, nửa đầu thế kỷ XX, vùng đất Nam Bộ cụ thể là miền Tây Nam Bộ xuất hiện hiện tượng các Ông Đạo và một số tôn giáo lần lượt ra đời. Có thể kể một số Ông Đạo như: Đạo Trần ở Long Hải (Bà Rịa-Vũng Tàu); Đạo Dừa (Nguyễn Thành Nam) ở Cần Phụng, Bến Tre; Đạo Khùng ở Cao Lãnh (Đồng Tháp); Đạo Nổi (Trần Văn Thê), Đạo Sáu (Mai Văn Ba), Đạo Tưởng (Lâm Văn Quốc), Đạo Đền (Mai Văn Hương) đều ở An Giang. Về sau, một số tôn giáo mới xuất hiện như: Bửu Sơn Kỳ Hương (Hương lạ trên núi quý) ra đời vào năm Kỷ Dậu 1849 ở vùng Bảy Núi, An Giang. Người sáng lập là ông Đoàn Văn Huyền (1807 - 1856) được tín đồ gọi là Phật Thầy Tây An. Bửu Sơn Kỳ Hương là nguồn gốc xã hội và tư tưởng để từ đó, sau này xuất hiện đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa và Phật giáo Hòa Hảo,...

Tại Nam Kỳ/Nam Bộ dần hình thành một số trí thức người Việt "Tây học" chịu ảnh hưởng của văn hoá Pháp trong đó có Thông linh học với hình thức đàn cơ để

*PGS.TS. Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam

**TS. Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam

thực hiện cầu cơ trên một chiếc bàn được gọi là bàn xoay (xây). Theo Nguyễn Duy Hinh: “Đàn cơ là nơi cầu cơ xuất hiện ở Trung Quốc thuộc tín ngưỡng dân gian, gọi là “phù cơ” hay “phù loan”... Di dân Minh Thanh đã mang theo cơ bút và lập nhiều đàn cơ. Năm 1902, Ngô Văn Chiêu hầu cơ lần thứ nhất ở đàn cơ Minh Thiện, tại Thủ Dầu Một, để xin thuốc cho mẹ đang ốm. Đàn cơ chủ yếu thuốc chữa bệnh, cầu xin vận hạn và thơ ca xướng họa (1). Đàn cơ là đặc trưng cơ bản hình thành đạo Cao Đài.

Đề cập đến bối cảnh xã hội mà trên đó đạo Cao Đài ra đời không thể không đề cập đến một hệ phái với tên gọi *Ngũ Chi Minh Đạo*. Ngũ Chi Minh Đạo xuất hiện tại Nam Bộ vào cuối thế kỷ XIX, nửa đầu thế kỷ XX, bao gồm: Minh Sư Đạo, Minh Lý Đạo, Minh Thiện Đạo và Minh Tân Đạo. Trong đó Minh Sư Đạo và Minh Lý Đạo có ảnh hưởng rất lớn đến sự hình thành đạo Cao Đài. Năm ngành đạo trên có lịch sử phát triển rất phức tạp được bắt đầu từ Minh Sư đạo.

Vào thế kỷ XVII, với sự suy tàn của nhà Minh (Trung Quốc), một bộ phận người Hoa trốn tránh sự đàn áp của nhà Thanh đã di cư đến Nam Bộ, trong đó có một số lượng lớn các hội người Minh xuất hiện ở quanh khu vực Chợ Lớn, Sài Gòn. Các hội người Minh đầu tiên được thành lập bởi các di dân Trung Quốc và các hội người Minh khác. Các mạng lưới người Minh phần lớn trùng lặp với những mạng lưới của Tiên Thiên Đạo ở Việt Nam. Năm 1863, dòng Tiên Thiên Đạo của Tàng Hà lần đầu tiên thiết lập căn cứ ở Quảng Đông, đó là Tàng Hà Động tại Thanh Viễn. Tàng Hà Động sau đó trở thành “tổ động” của các chi nhánh Tiên Thiên Đạo khác ở Quảng Đông, Hồng Kông, và Nam Kỳ/Nam Bộ (Việt Nam) (2). Trong quá trình phát triển ở Việt Nam bộ phận người Hoa đã tạo lập nên các chi nhánh: Minh Đường, Minh Thiện, Minh

Lý, Minh Tân trên cơ sở của Minh Sư đạo. Những mạng lưới này đã phát triển vào khoảng những năm 1850 các hội chúng địa phương được gọi là Minh Sư, tiếp tục duy trì mối liên hệ với các chi nhánh Tiên Thiên Đạo ở Quảng Đông và Hồng Kông. Các hiệp hội Minh Sư, đến lượt mình, đã tạo ra một số chi phái người Hoa-Việt, cụ thể là Minh Đường, Minh Thiện, Minh Lý, và Minh Tân (3).

Từ những đặc trưng về địa lý, cảnh quan, môi trường, đa dạng về tộc người, về văn hoá vùng miền ở vùng đất mới mở, điều kiện chính trị chi phối là những nguyên nhân căn bản dẫn đến tín ngưỡng, tôn giáo ở Tây Nam Bộ/Đồng bằng sông Cửu Long đa diện, đa phức, phong phú. Những đặc điểm trên sẽ thấy rõ nét nhất từ đạo Cao Đài/Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ được ra đời vào năm 1926 tại Nam Bộ. Người đầu tiên có vai trò trong quá trình hình thành của đạo Cao Đài là Ngô Văn Chiêu (sau được gọi là Ngô Minh Chiêu). Các mốc thời gian mà Ngài Ngô Văn Chiêu đã được tiếp nhận và giảng giải về Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ từ khi Nghe hồng danh Cao Đài lần thứ nhất (1920); Nghe hồng danh Cao Đài lần thứ hai (1920); Thọ pháp (1921); Thiên Nhân xuất hiện hai lần (tháng 4-1921); Nghe hồng danh Cao Đài lần thứ ba (tháng 4-1921); Nếp sống ẩn tu giữa Sài Gòn (1924 - 1925). Tiếp theo *Đức Cao Đài hoá độ Tiên khai đạo Ngô Văn Chiêu*: thời điểm Đức Ngô Minh Chiêu (tín đồ đầu tiên của đạo Cao Đài) hợp với nhóm *Cao - Phạm* (Cao Quỳnh Cư, Cao Hoài Sang, Phạm Công Tắc) tại Sài Gòn, để *gây dựng ngoại giáo công truyền*. Theo Huệ Khải, thời Tiên khai đạo kết thúc vào tháng 9-1926, để rồi với bắt đầu *Khai tịch đạo* (vào giờ Tý ngày thứ Tư 23-9-1926) viết bằng tiếng Pháp để Saigon, le 7 Octobre 1926 gửi Quyền Thống đốc Nam Kỳ Lefol (4).

Như vậy, sự đa dạng về tộc người, về tín ngưỡng, tôn giáo, về văn hoá vùng miền, yếu tố chính trị đương thời đã được những người sáng lập ra đạo Cao Đài tuyển lựa đưa vào tôn chỉ, giáo lý, nghi lễ, hệ thống chức sắc và hệ thống tổ chức hành chính đạo.

Trước hết là tôn chỉ: Tam giáo quy nguyên, ngũ chi phục/hợp nhất. Tam giáo là Nho giáo, Phật giáo, Đạo giáo. Ngũ chi/năm nhánh: Nhơn đạo, Thần đạo, Thánh đạo, Tiên đạo, Phật đạo. Mỗi chi có vai trò riêng. Tam giáo quy nguyên, ngũ chi phục/hợp nhất còn thể hiện trong giáo lý, giới luật, trong chức sắc có 3 ngành: Thái (thuộc Phật giáo), Thượng (thuộc Đạo giáo), Ngọc (thuộc Nho giáo).

Đối tượng thờ cúng gồm: Ngọc Hoàng Thượng Đế, xưng danh hiệu Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát, biểu hiện bằng Thiên Nhân. Dưới Thiên Nhân là Thích Ca, Lão Tử, Khổng Tử (ba vị sáng lập ra Phật giáo, Đạo giáo, Nho giáo), ngoài ra còn là Quan Âm, Lý Thái Bạch, Quan Thánh (Tam trấn), Giêsu Kitô, Khương Thái Công. Ngoài ra, đạo Cao Đài còn thờ Mẫu Diêu Trì/Điêu Trì Kim Mẫu,...

Về tổ chức hành chính đạo được xem là có sự mô phỏng tổ chức của Công giáo với cấp Trung ương: Tòa Thánh (Tây Ninh), gồm Cửu Viện, Tòa Tam Giáo, Tam hội (trước năm 1975) cấp địa phương (nhánh Phổ độ) gồm Trấn đạo, Châu đạo, Tộc đạo, Họ đạo.

1.2. Giai đoạn từ năm 1927 đến năm 1954

Đạo Cao Đài ra đời trong bối cảnh chính trị ở Nam Bộ nhìn toát yếu có đôi chút thuận lợi. Đây là giai đoạn Nam Bộ thuộc sự cai trị của thực dân Pháp với chế độ cai quản thuộc địa (xứ thuộc địa Nam Kỳ). Danh xưng này được chính quyền Liên bang Đông Dương duy trì đến năm 1945 khi được thay bằng tên gọi Nam Bộ. Vì là thuộc địa của Pháp, Nam Kỳ chịu sự chi phối của luật

lệ nước Pháp trong đó có *Luật Hiệp hội* 07-7-1901 do Thủ tướng Pháp Waldek Roussen (1846 - 1904) ban hành. Trong *Luật Hiệp hội* có ghi: các hiệp hội có thể được thành lập không cần cho phép hay báo cáo trước (Điều 2). Một hiệp hội muốn có năng lực pháp lý phải được những người sáng lập công bố, có văn bản gửi cơ quan có thẩm quyền. Sau khi nhận được văn bản cơ quan thẩm quyền "Biên nhận tờ khai sẽ được cấp trong năm ngày (Điều 5) (5). Quy trình là vậy nhưng hơn ba tháng sau, ông Lê Văn Trung một trong ba người đứng tên "Tờ khai tịch" vẫn không nhận được biên nhận. Đó là bởi sự "thận trọng" của chính quyền thực dân. Sau khi nhận được hồ sơ, viên Thống Đốc đã mật điện cho các tham biện (6) theo dõi hoạt động tôn giáo của nhóm Lê Văn Trung. Tác giả Huệ Khải dẫn bài khái luận của Gustave Meillon nhan đề *Lecaodaisme* cho biết thái độ của Lefol: "Thận trọng. Ông bằng lòng tiếp nhận văn kiện nhưng không hứa chính thức công nhận mỗi đạo" (7). Từ sự kiện trên tác giả Huệ Khải đi đến kết luận "Nếu bất kỳ ai đó bảo rằng "Pháp ký giấy phép cho đạo Cao Đài hoạt động" hoặc nói rằng: "đạo Cao Đài do Pháp lập ra" thì rõ ràng là không chân thực" (8).

Sự "thận trọng" của chính quyền thực dân Pháp tiếp tục được thực hiện trong những năm tiếp theo. Năm 1927, chính quyền Pháp ra Thông tri, văn thư hạn chế hoạt động của đạo Cao Đài. Khi đạo Cao Đài từ miền Nam truyền bá ra miền Trung, năm 1928, chính phủ Nam triều ra Chỉ dụ số 10 ngày 25-01-1928 cấm đạo Cao Đài hoạt động ở Trung phần.

Trước sự theo dõi và cấm đoán của Pháp và chính phủ Nam triều, Tòa thánh Tây Ninh đã ra tờ cam kết với 13.000 chữ ký gửi Thống đốc Nam Kỳ cam đoan hoạt động tôn giáo thuần túy, giữ gìn pháp luật xã hội. Cùng thời gian này đạo Cao Đài truyền

sang Campuchia, số người vào đạo chừng 30.000 người, nhưng chính quyền Campuchia ra Sắc lệnh hạn chế hoạt động của đạo Cao Đài (9).

Giai đoạn từ 1927 - 1934, bối cảnh xã hội nhìn chung tương đối yên ả, ngoài một số sự kiện trên ít nhiều tác động đến hoạt động truyền đạo của đạo Cao Đài. Vì vậy, giai đoạn này chủ yếu nổi lên một số diễn biến trong nội bộ của đạo, nhất là việc tách ra thành các hệ phái khác nhau trong đạo Cao Đài.

Thứ nhất, sau khi thành lập, các vị sáng lập tiếp tục hoàn chỉnh về giáo lý, giới luật, cơ cấu tổ chức, cơ cấu hành chính đạo.

Thứ hai, cuộc thiên phong phân chia ngôi thứ đã dẫn đến mất đoàn kết chia rẽ trong nội bộ những chức sắc cao cấp của Hiệp Thiên đài, Cửu Trùng đài; và phân chia pháp phái. Có tài liệu cho rằng chia rẽ thành 12 chi (hay 35 chi). Bắt đầu với việc ngày 24-4-1926, Ngô Văn Chiêu tách rời nhóm Phổ độ lập phái Chiếu Minh Tam Thanh Vô Vi; Phái Tây Ninh do Lê Văn Trung, Phạm Công Tắc, Cao Hoài Sang tự cho mình là gốc đạo, các phái khác chỉ là tách ra; Phái Minh Chơn Đạo lập ở Giồng Bờm, Bạc Liêu dưới sự lãnh đạo của Trần Đạo Quang và Cao Triều Phát vào năm 1934. Đây là một lực lượng Cao Đài rất lớn, không thua kém lực lượng Tây Ninh; Phái Ban Chỉnh đạo của Nguyễn Ngọc Tương, một trong 28 người ký tên khai đạo nhưng đến ngày 03-5-1934 đã rời Tây Ninh, khai cơ lập đạo; Phái Cao Đài Cầu Kho ở Sài Gòn do Vương Quan Kỳ, Đoàn Văn Bản, Trần Văn Quế chủ trương vào năm 1928; Phái Cao Đài Minh Chơn Lý của Nguyễn Văn Ca lập từ nhóm Cầu Vỹ ở Mỹ Tho, đến thời kỳ 1938 - 1947 đổi thành hội thánh Cao Đài Chơn Lý. Đặc điểm của nhóm này là thờ Hồng Tâm; Phái Cao Đài Tiên Thiên do Nguyễn Hữu Chính tách khỏi phái Tây Ninh, lập Thánh tịnh Thiên Thai tại Cai

Lậy, Định Tường gọi là Tiên Thiên Đại Đạo Tầm Kỳ Phổ Độ (10).

Bối cảnh xã hội giai đoạn từ sau 1934 đến năm 1954 ảnh hưởng đến đạo Cao Đài chủ yếu là vấn đề chính trị. Nổi lên hai dòng tư tưởng chính trị. Một dòng xu hướng dân chủ tư sản hoặc chủ trương Pháp - Việt đề huề, yêu cầu chính quyền thực dân cải cách dân chủ; hoặc thân Nhật hay thân Trung Hoa (chính quyền do Tôn Trung Sơn lập ra) liên kết với Cường Để hay Tôn Dật Tiên. Dòng thứ hai chịu ảnh hưởng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Thành công của Cách mạng tháng Tám 1945 và cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đã tác động sâu sắc đến một bộ phận chức sắc và một bộ phận đông đảo tín đồ đạo Cao Đài. Từ đó dẫn đến những người lãnh đạo đạo Cao Đài chia thành hai xu hướng chính:

“Một là: Toà thánh Minh Chơn đạo Hậu Giang xu hướng cách mạng dân tộc giải phóng chống đế quốc thực dân. Hai là: Toà thánh Tây Ninh chao đảo giữa các thế lực cách mạng và phản cách mạng, cuối cùng ngã về phía phản cách mạng. Nhưng ngay trong phái Tây Ninh cũng chia thành nhiều nhóm chịu tác động từ những xu hướng chính trị khác nhau, trong đó có cả một bộ phận chống đế quốc, tham gia giải phóng dân tộc. Đặc điểm của thời kỳ phát triển này thiên về hoạt động chính trị hơn là hoạt động tôn giáo” (11).

Về xu hướng chính trị, tập trung chủ yếu ở Cao Đài Tây Ninh và Cao Đài Minh Chơn đạo. Với *Toà thánh Tây Ninh*, tháng 11-1934, quyền Giáo Tông Lê Văn Trung từ trần. Ban Chỉnh đạo cử Nguyễn Ngọc Tương làm Giáo Tông nhưng không được Toà thánh Tây Ninh chấp nhận. Hộ pháp Phạm Công Tắc nắm toàn quyền lãnh đạo Toà Thánh Tây Ninh. Ngay từ năm 1927, Phạm Công Tắc sang Phnôm Pênh

(Campuchia) làm công nhân đã phát triển được một số tín đồ Cao Đài, tổ chức thánh thất Kim Biện, trong đó có Trần Quang Vinh. Năm 1931, Trần Quang Vinh bắt đầu với một loạt hoạt động phi tôn giáo như sang Pháp dự hoạt động đấu xảo, ở đó kết nạp được một số tín đồ người Pháp trong đó có G.Gobron, sau này trở thành người phát ngôn hải ngoại của Tòa Thánh Tây Ninh. Năm 1943, Trần Quang Vinh liên hệ với Cường Để qua người Nhật, hợp tác với Nhật làm đảo chính Pháp ngày 9-3-1945. Để thực hiện mục đích này, Trần Quang Vinh đã đưa 3.240 tín đồ để Nhật huấn luyện quân sự, lập thành Ứng Nghĩa binh, mằm mống quân đội Cao Đài Tây Ninh sau này. Vì hợp tác với Nhật đảo chính Pháp, Trần Quang Vinh bị bắt ở Sài Gòn và quay ra kí kết với Pháp chống Cộng sản, ra lệnh chi đội 7 và 8 rời chiến khu về Tây Ninh, lập đội Tự vệ Cao Đài. Quân đội Pháp thả Phạm Công Tắc và rút khỏi Tòa Thánh Tây Ninh giao lại cho Cao Đài. Ngày 01-10-1946, Phạm Công Tắc được tàu thủy Pháp đưa từ Madagascar về đến Vũng Tàu rồi dùng thiết giáp đưa về Tòa thánh Tây Ninh làm Thượng Tôn Quản Chế. Ông Tắc là người phát triển quân đội Cao Đài. Một số chức sắc cao cấp Cao Đài Tây Ninh tham gia vào Chính phủ bù nhìn thân Pháp như Trần Quang Vinh làm Bộ trưởng Bộ Quốc phòng của chính phủ Nguyễn Văn Xuân của Bảo Đại rồi Trần Văn Hữu từ năm 1948 - 1951 (12).

Trái ngược với Tòa thánh Tây Ninh nghiêng về hoạt động chính trị, *Toà thánh Minh Chơn Đạo* đặt ở Ngọc Sắc (nay thuộc ấp xóm Sỏ, xã Hồ Thị Kỷ, huyện Thới Bình, Cà Mau) do Trần Đạo Quang sáng lập năm 1929 với tôn chỉ "Cứu khổ, cứu nạn cho nhơn sanh". Chẳng bao lâu, đạo phát triển khắp các tỉnh miền Tây Nam Bộ. Năm 1933 thành lập cơ quan Trung ương ở Giồng Bờm. Các thánh thất chăm lo đời

sống tinh thần và vật chất cho tín đồ. Vừa lấy tu nhơn đạo làm nền tảng, coi cứu khổ nhơn sanh là công quả cao nhất của người tu hành, vừa tổ chức nông điền làm ruộng tập thể, khai hoang, chia đất cho dân nghèo, tổ chức nuôi tằm, trồng bông dệt vải, luôn luôn đề cao đoàn kết nội bộ và đoàn kết với các tôn giáo khác.

Tháng 4 năm 1934 dưới quyền chủ tọa danh dự của Đức Chuởng Pháp Trần Đạo Quang, ông Cao Triều Phát làm Chủ tịch *Đại hội Công đồng giáo lý của các tôn giáo* (Cao Đài, Phật giáo, Tịnh độ, Công giáo) tại thánh thất Ngọc Phước. Đại hội chủ trương đoàn kết, tu hành chân chính, cứu khổ chúng sinh để thành Tiên thành Phật. Đại hội không mang mục tiêu chính trị nhưng vẫn bị chính quyền thực dân đe dọa. Ông Cao Triều Phát bị tòa án Bạc Liêu thẩm vấn.

Năm 1938, thành lập tổ chức *Đoàn thanh niên đạo đức* do ông Cao Triều Phát là Tổng Trưởng. Tổ chức nhằm giáo dục thanh niên Cao Đài nâng cao trình độ giáo lý, củng cố tinh thần thương đạo, yêu nước. Đến năm 1945 Minh Chơn Đạo tham gia khởi nghĩa giành chính quyền ở các nơi như Bạc Liêu, Cà Mau. Nhiều chức sắc tham gia các cơ quan chính quyền cách mạng tỉnh, huyện. Cao Triều Phát tham gia Ủy ban Giải phóng dân tộc tỉnh Bạc Liêu, đại diện Cao Đài Minh Chơn Đạo vào Mặt trận Việt Minh tỉnh và đến tháng 11-1946 đắc cử Đại biểu Quốc hội tỉnh Bạc Liêu. Một số thanh niên trong đoàn thanh niên đạo đức lập thành đội du kích rồi gia nhập trung đoàn 124 của Quân đội nhân dân Việt Nam. Được sự giúp đỡ của Xứ ủy Nam Bộ, Chuởng pháp Cao Triều Phát cùng với đại biểu chức sắc mười một phái Cao Đài đã đứng ra tổ chức Hội nghị khoáng đại từ ngày 26 đến 29 tháng 11 năm 1947 tại chiến khu Đồng Tháp Mười, chính thức thành lập tổ chức

Cao Đài cứu quốc Mười hai phái Hiệp nhất (bao gồm cả Cao Đài Tây Ninh) là thành viên của Mặt trận Việt Minh (13).

Cao Đài cứu quốc động viên chức sắc và tín đồ tham gia các cơ quan đoàn thể chính quyền, quân đội cách mạng. Với những đóng góp cho cách mạng, Cao Đài cứu quốc được Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tặng Huân chương Kháng chiến hạng Nhì (14). Ngày 16-01-1949, ông Hoàng Quốc Việt, Bí thư Tổng bộ Việt Minh gửi thư cho ông Cao Triều Phát động viên và khen ngợi những đóng góp của ông và tổ chức Cao Đài cứu quốc 12 phái. Ngày 25-4-1948, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh 32/SL tặng ông Cao Triều Phát Huân chương Độc lập hạng Nhì.

Năm 1954, Cao Triều Phát tập kết ra Bắc và qua đời năm 1955. Ông Cao Triều Phát là tấm gương tiêu biểu, của một vị chức sắc Cao Đài cống hiến cả cuộc đời cho cách mạng. Trong liên hoan các dân tộc, các tôn giáo ở Nam Bộ với sự tham gia của 21 đoàn đại biểu từ các tỉnh miền Đông, miền Trung và miền Tây Nam Bộ, Cao Triều Phát đại diện cho đồng bào theo Cao Đài đã phát biểu "Bàn thờ tôn giáo thì nhiều, nhưng bàn thờ Tổ quốc chỉ có một" (15).

1.3. Giai đoạn từ năm 1954 đến năm 1975

Với chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ (1954), miền Bắc được giải phóng, miền Nam tiếp tục cuộc đấu tranh chống đế quốc Mỹ. Đế quốc Mỹ phá hoại Hiệp định Giơnevơ, lập nên chính quyền bù nhìn Ngô Đình Diệm. Cùng với chiến dịch "diệt cộng", chính quyền Ngô Đình Diệm ra tay tàn sát một số tôn giáo ở Nam Bộ, trong đó có đạo Cao Đài.

Khi một số chức sắc Cao Đài tập kết ra Bắc, tổ chức Cao Đài cứu quốc giải thể. Các chi phái trở về tu hành riêng rẽ. Ngày 16-10-1954 Hội thánh Minh Chơn Đạo tái lập,

lấy Thánh thất Ngọc Sắc làm Toà thánh Hậu Giang. Toà thánh chăm lo việc đào tạo, xây dựng nhà in in kinh sách, mở đạo đức học đường, mở lớp đào tạo giáo viên cho các họ đạo, sưu tầm tài liệu Nam y, mở lớp đào tạo cán bộ y tế, tổ chức các Phước Y viện chữa bệnh. Tháng 4-1956, chính quyền Ngô Đình Diệm đem quân đàn áp tịch thu máy in, dụng cụ y tế... các tín đồ Cao Đài tổ chức đấu tranh kiên trì 300 ngày mới giải thoát được 31 chức sắc bị bắt.

Ngày 7-2-1955, tại Tòa thánh Ngọc Sắc (Bạc Liêu) của Cao Đài Minh Chơn Đạo, các chức sắc năm chi phái Cao Đài thay mặt cho hơn nửa triệu tín đồ, chức sắc đã nhóm họp quyết định thành lập *Liên giao Cao Đài*, sau này gọi là *Liên giao I*, nhằm giúp nhau tu hành, chống chính quyền Ngô Đình Diệm đàn áp khủng bố. Sau đó, nhiều chi phái khác cũng xin tham gia. Liên giao I đã thông qua *Quy ước chung* gồm 7 điểm:

"1- Đạo gắn bó với dân tộc, thực hiện tôn chỉ mục đích cứu khổ nhân sinh của Đức Chí Tôn; 2- Cầu nguyện hòa bình, bảo vệ cho quốc thái dân an; 3- Đoàn kết giúp đỡ nhau trong việc tu hành, làm lành, làm phải, hết lòng phụng sự nhân sinh; 4- Tương trợ nhau về vật chất, tinh thần trong lúc đồng đạo gặp khó khăn, hoạn nạn; 5- Ủng hộ những người tu hành chân chính, bảo vệ tu sĩ; 6- Bảo vệ tự do tín ngưỡng; 7- Không xen vào công việc nội bộ của nhau (16).

Với những thành công của Liên giao I, đồng thời để tập hợp lực lượng Cao Đài yêu nước ủng hộ, tham gia cách mạng trong giai đoạn mới, được sự lãnh đạo của các tổ chức Đảng và sự giúp đỡ của Ủy ban Mặt trận Dân tộc Giải phóng khu Tây Nam Bộ mà trực tiếp là *Ban Cao Đài vận* khu Tây Nam Bộ, sau một thời gian vận động, ngày 16-12-1972, tại Cần Thơ, khối liên giao mới của đạo Cao Đài được hình thành gồm 18 chi phái Cao Đài (bao gồm cả Liên giao I),

sau này được gọi là *Liên giao II*. Dù rằng mỗi chi phái có những đặc thù, nhưng *Liên Giao II* đã thống nhất các điểm sau đây: Thống nhất phối hợp bảo vệ đạo pháp, chống âm mưu bắt lính, chống lợi dụng đạo, chống khủng bố những người yêu đạo, yêu nước của chính quyền Mĩ - nguy, chống chiến tranh, đòi hoà bình, tổ chức những buổi cầu nguyện hoà bình khắp các thánh thất và tham gia chống Mĩ cứu nước cho đến khi thống nhất Tổ quốc (17).

Cùng với Minh Chơn Đạo, một bộ phận chức sắc, tín đồ Cao Đài Tây Ninh có tinh thần yêu nước tham gia hoạt động cách mạng và tích cực đóng góp vào sự nghiệp giải phóng đất nước. Tiêu biểu như Phối sư Đặng Trung Chũ, Tư lệnh Đệ nhị sư đoàn quân đội Cao Đài tham gia Mặt trận Việt Minh, dẫn đầu đoàn chức sắc tín đồ Cao Đài Tây Ninh mít tinh ủng hộ cách mạng. Năm 1947, tỉnh Tây Ninh thành lập *Hội Liên hiệp Quốc dân Việt Nam* do Mặt trận Việt Minh làm nòng cốt. Một số nhân sĩ, trí thức tôn giáo tham gia, trong đó có ông Phạm Trung Kiên, anh ruột Hộ pháp Phạm Công Tắc được bầu làm Phó Chủ tịch. Trong tổ chức Cao Đài Cứu quốc 12 phái, ông Nguyễn Văn Khảm, Cao Đài Tây Ninh làm Phó Chủ tịch, ông Hoàng Minh Viễn, làm ủy viên, Thượng phẩm Cao Huệ Chương được bầu làm Chủ tịch Hiệp Thiên đài... Trước năm 1975, Cao Đài Tây Ninh có 500 cơ sở cốt cán với hàng trăm thanh niên tham gia lực lượng vũ trang, góp phần vào sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Các tổ chức Cao Đài khác như: Cao Đài Chiếu Minh Long Châu, Cao Đài Bạch Y, Cao Đài Chơn Lý, Cao Đài Cầu Kho - Tam Quan, một bộ phận chức sắc, tín đồ truyền giáo Cao Đài cũng tích cực tham gia vào cuộc đấu tranh cách mạng. Tổng kết đóng góp của các tổ chức Cao Đài qua 2 cuộc kháng chiến cứu nước có hơn 4.000 liệt sĩ, 10.000 thương binh, 400 Bà mẹ Việt Nam

anh hùng và nhiều gia đình có công với cách mạng, nhiều huân huy chương được Nhà nước trao tặng (18).

Về hệ thống tổ chức: "Sự tồn tại của đạo Cao Đài là quá trình chia rẽ về tổ chức và nỗ lực thống nhất bất thành. Chia rẽ phân ly là đặc điểm nổi bật của đạo Cao Đài từ năm 1930 đến năm 1975. Thời gian này, đạo Cao Đài phân chia thành nhiều tổ chức Cao Đài khác nhau, có lúc lên đến 30 tổ chức. Trong các tổ chức này có khoảng 10 tổ chức là hoạt động theo đúng chân truyền của đạo Cao Đài và tồn tại đến nay" (19).

2. Giai đoạn từ năm 1975 đến năm 1992

Sau ngày miền Nam giải phóng (1975) đất nước thống nhất, tình hình chính trị - xã hội ở miền Nam nói chung, Tây Nam Bộ nói riêng rất phức tạp. Nhìn từ góc độ tôn giáo, các thế lực phản động lợi dụng tôn giáo thực hiện kế hoạch "hậu chiến" với nhiều âm mưu thủ đoạn nhằm chống phá cách mạng. Do vấn đề lịch sử đạo Cao Đài nói chung và Cao Đài Tây Ninh nói riêng chứa đựng nhiều yếu tố phức tạp nên đối với đạo Cao Đài Tây Ninh, chức sắc, tín đồ về tu tại gia. Hội Thánh và họ đạo cơ sở, hoạt động có giới hạn. Hoạt động tôn giáo của Cao Đài Tây Ninh duy trì sinh hoạt trong phạm vi cơ sở thờ tự, không tổ chức lễ hội đông người. Một số tổ chức Cao Đài vì không có đường hướng hành đạo phù hợp nên đã mai một dần. Do ảnh hưởng bối cảnh xã hội chung lúc bấy giờ nên các tổ chức Cao Đài như: Cao Đài Ban Chỉnh Đạo, Cao Đài Chiếu Minh Long Châu, Cao Đài Tiên Thiên, phạm vi hoạt động tôn giáo tập trung chủ yếu tại cơ sở, ít có hoạt động tôn giáo nổi bật trong thời gian này (20).

Nghị quyết ngày 13-12-1978, Hội đồng Nhân dân tỉnh Tây Ninh kỳ 6 Khóa I có một số quy định như: Giải tán và nghiêm cấm hoạt động hệ thống tổ chức hành chính đạo từ trên đến cơ sở, xóa bỏ và nghiêm cấm cơ bút (Điều 3). Trên cơ sở Nghị quyết

ngày 13-12-1978, Hội Thánh Cao Đài Tây Ninh ban hành Đạo lệnh 01 ngày 1-3-1979 quyết định giải thể toàn bộ cơ cấu tổ chức chính trị đạo từ Trung ương đến địa phương (Điều thứ Nhất). Hội thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ lập một cơ quan hành đạo duy nhất tại Tòa Thánh là *Hội đồng Chuởng Quản*... Hội đồng Chuởng Quản chịu trách nhiệm trước Hội Thánh và toàn đạo quản lý nền đạo về mặt tín ngưỡng từ Trung ương Tòa Thánh đến các thánh thất và điện thờ ở các địa phương, chăm lo sự nghiệp tu hành cho chức sắc và toàn đạo, xây dựng Thánh Thể hữu hình của Đức Chí Tôn đời này qua đời khác (Điều thứ Hai). Một số chi phái khác tuy không tuyên bố giải tán bộ máy hành chính đạo nhưng hoạt động cầm chừng, giảm hiệu lực chỉ đạo trên dưới. Một số chi phái nhỏ mới hình thành trong thời kỳ chiến tranh chống Mỹ tự tan rã hoặc nhập trở lại với các chi phái cũ để tồn tại (21).

Ngày 4-6-1980, Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh ra Quyết định 124: “Thừa nhận việc tổ chức Hội đồng Chuởng Quản như hiện nay theo phương hướng tích cực và đường lối tu hành thật sự như Thông tri, Đạo lệnh của Hội đồng Chuởng Quản đề ra. Năm 1983, *Hội Đồng Quản lý Hội Thánh Cao Đài* được thành lập thay thế Hội Đồng Chuởng Quản. Ngày 14-9-1989, Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh ra Quyết định 88 cho phép Hội đồng Quản lý Hội Thánh Cao Đài đổi tên thành Hội đồng Chuởng Quản của Hội Thánh Tam Kỳ Phổ Độ Tòa Thánh Tây Ninh (22).

Những quy định trên của Ủy ban Nhân dân, Hội đồng Nhân dân tỉnh Tây Ninh xét từ bối cảnh chính trị - xã hội và về phương diện tôn giáo là phù hợp. Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ Tòa Thánh Tây Ninh vẫn có cơ quan quản lý đạo. Chức sắc, tín đồ vẫn được tự do thực hành tín ngưỡng, tôn giáo tại gia.

Tháng 12-1986, Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ VI đề ra chủ trương đổi mới toàn diện, trong đó có đổi mới quan điểm, chủ trương, chính sách về tôn giáo để phát triển đất nước. Trên tinh thần đó, ngày 16-10-1990 Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng ban hành Nghị quyết số 24-NQ/TW *Về tăng cường công tác tôn giáo trong tình hình mới*. Một trong những nội dung quan trọng của Nghị quyết là đổi mới nhận thức luận về tôn giáo: Nghị quyết nêu rõ: “Tôn giáo là một vấn đề còn tồn tại lâu dài. Tín ngưỡng tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân. Đạo đức tôn giáo có nhiều điều phù hợp với công cuộc xây dựng xã hội mới. Chính sách nhất quán của Đảng và Nhà nước Việt Nam là tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng của nhân dân, thực hiện đoàn kết lương giáo, đoàn kết toàn dân xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Cần khắc phục nhận thức thiên cận đối xử với tôn giáo và thái độ hẹp hòi thành kiến phân biệt đối xử với đồng bào có đạo”.

Từ đổi mới về nhận thức luận, Nghị quyết tạo bước “đột phá” chính sách tôn giáo, thể hiện rõ nhất ở điểm C.

C- Các tổ chức của các giáo hội:

“Giáo hội và các hệ phái tôn giáo có đường hướng hành đạo gắn bó với dân tộc, có tôn chỉ, mục đích, điều lệ phù hợp với luật pháp Nhà nước, có tổ chức thích hợp và bộ máy nhân sự bảo đảm tốt hai mặt đạo, đời được Nhà nước xem xét trong từng trường hợp cụ thể để cho phép hoạt động”.

Cần nhấn mạnh, trước khi có Nghị quyết 24-NQ/TW, tôn giáo ở Việt Nam chưa có sự phân định tôn giáo và tổ chức tôn giáo. Bởi có tôn giáo và tổ chức tôn giáo được đồng nhất chẳng hạn như Phật giáo hay Công giáo. Song, có tôn giáo lại không có sự đồng nhất, được hiểu tôn giáo đó có nhiều tổ chức/hệ phái mà đạo Cao Đài là một ví dụ.

Tình trạng này kéo dài đến năm 1992 với sự đột phá của Thông báo 34/TB-TW “về chủ trương công tác đối với đạo Cao Đài”, các hội thánh Cao Đài lần lượt được công nhận tư cách pháp nhân sau năm 1992.

3. Giai đoạn từ năm 1992 đến nay

Thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW, ngày 14 tháng 11 năm 1992, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Thông báo số 34/TB-TW Về chủ trương công tác đối với đạo Cao Đài. Một trong những địa phương đi đầu trong việc thực hiện Thông báo số 34/TB-TW là Tỉnh ủy, Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh. Để có luận cứ khoa học mà trên đó có những đề xuất kiến nghị với Trung ương, Tỉnh ủy Tây Ninh đã cử đại diện ra Hà Nội mời cán bộ nghiên cứu chủ chốt của Trung tâm Nghiên cứu khoa học về tôn giáo-tiên thân của Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam sau này vào Tây Ninh khảo sát, nghiên cứu. Một cuộc hội thảo khoa học được tổ chức sau hai đợt nghiên cứu. Kết quả được in trong cuốn *Bước đầu tìm hiểu đạo Cao Đài*. Đặc biệt trong đợt nghiên cứu, khi hỏi về nhu cầu tôn giáo kết quả cho thấy 95% trả lời là cần thiết, 0,5% là không, 4,5% không trả lời (23). Qua các nội dung trên cho thấy, Cao Đài là một tôn giáo, hoàn toàn không phải là một giáo phái như một vài quan niệm lệch lạc.

Việc phục hoạt hệ phái Cao Đài được bắt đầu bằng sự kiện “Ban Tôn giáo Chính phủ thừa ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ (Công văn số 3693/TH-VPCP, ngày 6 tháng 7 năm 1995 của Văn phòng Chính phủ) ra Quyết định số 51/QĐ-TGCP Công nhận tư cách pháp nhân Hội thánh Cao Đài Tiên Thiên, đặt dấu mốc bình thường hóa hoạt động về tổ chức của các Hội thánh Cao Đài và việc công nhận tổ chức tôn giáo thời kỳ đổi mới, ngày 29 tháng 7 năm 1995 (24).

Như vậy, từ khi có Thông báo số 34 - TB/TW, ngày 14-11-1992 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về chủ trương công tác

đối với đạo Cao Đài (gọi tắt là Thông báo 34), cụ thể từ năm 1995 đến nay, Ban Tôn giáo Chính phủ đã ra Quyết định công nhận tư cách pháp nhân cho 10 Hội thánh và cấp đăng ký hoạt động tôn giáo 1 pháp môn Cao Đài. Theo đó, 10 Hội thánh là: Hội thánh Cao Đài Tiên Thiên được công nhận năm 1995. Năm 1996, Nhà nước công nhận 3 Hội thánh: Cao Đài Chiếu Minh Long Châu; Cao Đài Minh Chơn đạo và Truyền giáo. Năm 1997, có 2 Hội thánh Cao Đài Tây Ninh và Cao Đài Ban Chỉnh đạo được công nhận. Năm 1998, có Hội thánh Cao Đài bạch y Liên đoàn Chân lý được công nhận. Năm 2000, có 2 Hội thánh được công nhận là Cao Đài Chơn lý và Cao Đài cầu kho tam quan. Năm 2011, Hội thánh Cao Đài Bình Đức được công nhận và năm 2009, *Pháp môn* Cao Đài Chiếu Minh Tam thanh Vô vi được nhà nước chấp thuận cho đăng ký hoạt động.

Ngoài ra, còn có 21 tổ chức Cao Đài hoạt động độc lập được chính quyền tỉnh/thành phố cấp đăng ký hoạt động tôn giáo, được phân bố tại một số tỉnh/thành như: Thành phố Hồ Chí Minh có 7 tổ chức: Thánh thất Bàu Sen, Thánh thất Liên Hoa Cửu cung Thiên đạo học đường, Nam Thành Thánh thất, Thánh thất Tân Minh Quang, Thánh thất Huỳnh Quang Sắc, Chiếu Minh đàn Chợ Lớn và Cơ quan phổ thông giáo lý đại đạo; Cần Thơ có 2 tổ chức: Thánh tịnh Thiên Trước và Tây Thành thánh thất - Cao Đài Thượng Đế; Vĩnh Long có 4 tổ chức như: Chiếu Minh Giáo tòa, Thánh Tịnh Thượng Linh đàn và Thánh thất Tân Chiếu Minh; Tiền Giang có 4 tổ chức: Tòa Thánh Cao Đài Việt Nam - Bến Tranh, Thánh thất Thiên Phước đàn - Cao Đài Thống nhất, Thánh thất Vĩnh Hòa - Cao Đài Thống nhất và Thánh tịnh Thanh Tịnh đàn - Cao Đài Thống nhất; Bạc Liêu có Cao Thượng Bửu Tòa; Sóc Trăng có Thánh tịnh Bạch Vân cung - Cao Đài Thượng Đế; Long An có Vĩnh

Nguyên tự; Đồng Tháp có Thánh tịnh Long Vân - Cao Đài Thượng Đế (25).

Đặc biệt, tiếp nối truyền thống đoàn kết, tương thân, tương ái của Liên giao I và Liên giao II, năm 2008, Ban Tôn giáo Chính phủ đã có quyết định đồng ý cho *Hội nghị Liên giao các tổ chức đạo Cao Đài* (thường gọi là Liên giao III), được hoạt động với mục đích hỗ trợ việc Đạo và đời giữa các tổ chức, hội thánh đạo Cao Đài. Đến nay, Hội nghị Liên giao đã hoạt động được 14 lần với phương thức quay vòng. Tức là, mỗi năm một lần, từng tổ chức Cao Đài sẽ luân phiên chủ trì. Với cơ chế Hội nghị Liên giao, các tổ chức Cao Đài đã gắn kết với nhau thực hiện các hoạt động chung mang tính cộng đồng, thống nhất như một tập thể đại diện với phương châm "*Chấn hưng cơ đạo, cứu khổ Nhơn sanh, phụng sự Tổ quốc*". Trong Liên giao lần này, Cao Đài Tòa thánh Tây Ninh không tham gia, nhưng lại có Hội Thánh Minh Lý đạo- Tam tông miếu (Minh Lý đạo) tham gia từ trong lịch sử cho đến nay.

Như vậy, tính từ lúc khai đạo cho đến lúc các Hội thánh Cao Đài được công nhận tư cách pháp nhân thì kết quả truyền đạo của chức sắc trong toàn đạo đã thay đổi như sau: Năm 1928 truyền đạo được 150.000 tín đồ; năm 1935 được 1.000.000 tín đồ; năm 1975 được 2.820.000 tín đồ và năm 1995 được 2.000.000 tín đồ. Và 10 năm sau khi được công nhận tư cách pháp nhân (2015), các hội Thánh có 2.668.481 tín đồ (26). Cùng với sự đổi thay của xã hội, đạo Cao Đài cũng có những biến đổi cho phù hợp với xã hội hiện đại. Sự biến đổi được nhìn nhận từ sau khi có Thông báo 34 (năm 1992); rồi đến *Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo* (năm 2004) và hiện nay là *Luật tín ngưỡng, tôn giáo* (năm 2016). Những chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước cùng với sự chuyển đổi, vận động không ngừng của xã hội đã tạo nên những bước

ngoặt chuyển mình của đạo Cao Đài trong hoạt động thuần túy tôn giáo và hoạt động hướng đến xã hội (27).

Các Hội Thánh và pháp môn tu hành đều có Hiến chương, xác định rõ tôn chỉ, mục đích... của hệ phái/Hội Thánh. Về câu chữ có sự khác nhau nhưng toát yếu là: Hoạt động theo khuôn khổ của Luật pháp Nhà nước Việt Nam. Đường hướng: gắn đạo với đời chẳng hạn như Cao Đài Chơn Lý: "Nước vinh - đạo sáng", Cao Đài Ban Chính Đạo "Phụng đạo yêu nước"...

4. Vài lời kết

Từ một tôn giáo mới buổi đầu lập đạo (1926) với 200 chức sắc và tín đồ, đến nay gần 100 năm, số tín đồ đã là 2,6 triệu trong nước và khoảng 30.000 tín đồ sống ở Mỹ, châu Âu và Úc. Đạo Cao Đài hiện diện ở 38 tỉnh, thành phố cả nước, chủ yếu tại Nam Bộ, ngoài ra còn có ở Trung Bộ và Bắc Bộ. Trong quá trình hình thành và phát triển, đạo Cao Đài đã có nhiều đóng góp cho xã hội Việt Nam qua từng thời kỳ, trên nhiều phương diện khác nhau, đã khẳng định vai trò, giá trị đạo đức tôn giáo cũng như vị thế trong cộng đồng dân tộc Việt Nam và cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài. Với triết lý nhân văn, thể hiện qua đường hướng hành đạo "từ bi - công bình - bác ái" và phương châm "Nước vinh, Đạo sáng" hướng đến "tốt Đời, đẹp Đạo", phù hợp với lối sống, nếp sống văn hóa truyền thống của dân tộc Việt Nam, đặc biệt, sự thích ứng với văn hóa vùng miền, nên đạo Cao Đài được đông đảo người Việt đón nhận.

Đạo Cao Đài ra đời đáp ứng được đời sống tín ngưỡng, tôn giáo của một bộ phận lớn cư dân Nam Bộ. Quá trình hình thành và phát triển của đạo Cao Đài đã tạo ra những giá trị văn hóa đóng góp vào nền văn hóa Việt Nam, đóng góp vào hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ và hiện nay là sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Những

chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước cùng với sự chuyển đổi, vận động không ngừng của xã hội đã tạo nên những bước ngoặt chuyển mình của đạo Cao Đài trong hoạt động tôn giáo (cả hoạt động thuần túy tôn giáo và hoạt động hướng đến xã hội) từ sau Thông báo 34 (1992). Hiện nay, các tổ chức Cao Đài đã ổn định trong

hoạt động tôn giáo, tuân thủ pháp luật của Nhà nước và đường hướng hành đạo. Đồng thời, những đóng góp trong công tác xã hội của đạo Cao Đài là đáng ghi nhận. Điều này, đã chứng minh chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với công tác quản lý về tôn giáo nói chung và đạo Cao Đài nói riêng là đúng đắn và sát thực.

CHÚ THÍCH

(*) Bài viết là sản phẩm nghiên cứu của đề tài cấp bộ (2023-2024): “Đạo Cao Đài ở Việt Nam hiện nay”, do Viện Nghiên cứu Tôn giáo chủ trì.

(1). Nguyễn Duy Hinh, *Về lịch sử đạo Cao Đài*, trong sách: Viện Nghiên cứu Tôn giáo, *Bước đầu tìm hiểu đạo Cao Đài*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1995, tr 94-99.

(2), (3). Jeremy Jammes, David Alexander palmer, (2020), *The Bible of the Great Cycle of Esotericism: From the Xiantian dao Tradition to a Cao Đài Scripture in Colonial Vietnam*, In book: Text and Context in the Modern History of Chinese Religions, (PDF) (researchgate.net), Ngày truy cập 18-6-2024.

(4). Tổng hợp từ: Huệ Khải, *Lịch sử đạo Cao Đài thời kỳ tiềm ẩn (1920 - 1926)*, Nxb.Hồng Đức, Hà Nội, 2023. Nguyễn Thanh Xuân, *Đạo Cao Đài hai khía cạnh lịch sử và tôn giáo*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2015.

(5), (7), (8). Huệ Khải, *Lịch sử đạo Cao Đài thời kỳ tiềm ẩn (1920 - 1926)*, Nxb.Hồng Đức, Hà Nội, 2023, tr.93-95, 98, 97.

(6). Tham biện còn gọi là Tham tá, công chức cao cấp trong thời thuộc Pháp, đứng đầu coi việc hành chính một tỉnh.

(9), (15). Hiến pháp Lữ Minh Châu, *Lịch sử đạo Cao Đài Bến Tre*, sdd, tr.13, 16-17.

(10). Tổng hợp tư liệu từ: Viện Nghiên cứu Tôn giáo, *Bước đầu tìm hiểu đạo Cao Đài*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1995, tr.131 - 136; cuốn Hiến

pháp Lữ Minh Châu, *Lịch sử đạo Cao Đài Bến Tre*, sdd, tr.12-14.

(11), (12), (14), (23). Viện Nghiên cứu Tôn giáo, *Bước đầu tìm hiểu đạo Cao Đài*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1995, tr.137-138, 141-142, 188-190, 11-15.

(13). Nguyễn Cao Thanh, *Biên niên một số sự kiện chủ yếu của Đạo Cao Đài từ khi ra đời đến năm 1975*, Tạp chí Công tác Tôn giáo, số 7 và 8, tr.19.

(16), (17), (21), (24). Nguyễn Thanh Xuân, *Đạo Cao Đài hai khía cạnh lịch sử và tôn giáo*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2015, tr.300, 309, 363-364, 427.

(18), (19), (20). Đinh Quang Tiến (chủ biên), *Giá trị văn hóa của đạo Cao Đài*, Nxb. Tôn giáo, 2021, tr. 151-152, 58, 58-59.

(22). Đạo Cao Đài, *Các khổ nạn sau 1975-VNTR*. Trong Đạo Cao Đài... dongtam2020.org. Truy cập ngày 9-6-2024.

(25). Đinh Quang Tiến, *Giá trị văn hóa của đạo Cao Đài trong đời sống cư dân Nam Bộ*, Luận án tiến sỹ, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2017, tr.168-171.

(26). Huỳnh Ngọc Thu, *Đạo Cao Đài ở Nam Bộ và các mối quan hệ*, Nxb. Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2017, tr.21-26.

(27). Cũng xem: Nguyễn Thị Quế Hương, Hoàng Thị Thu Hương, Mai Thùy Anh, “Biến đổi của đạo Cao Đài trong phát triển xã hội ở Việt Nam hiện nay”, Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 11-2023.